

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2022/DS-ST
Ngày 09 – 9 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Nguyễn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Chúc L, sinh năm 1990; Cư trú tại: Ấp LV, xã QPB, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh P và bà Phan Tuyết M; Cùng cư trú tại: Ấp LV, xã QPB, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết bà Huỳnh Chúc L trình bày:*

Ngày 22/3/2018, bà L cho ông P và bà M mượn số tiền 150.000.000 đồng, mục đích mượn tiền để nuôi tôm công nghiệp, hai bên có làm biên nhận và thỏa thuận khi nào bà L cần lấy lại tiền sẽ cho ông P và bà M biết trước trong vòng 2 tháng. Sau đó, khi cần sử dụng số tiền, bà L đã thông báo cho ông P và bà M nhưng cứ hứa hẹn mà không trả số tiền đã mượn.

Số tiền nêu trên, bà L có tính lãi 6.000.000 đồng/tháng, sau khi vay bà M và ông P có đóng lãi được 2 tháng với số tiền 12.000.000 đồng. Sau đó thì không đóng đến nay, khoảng cuối năm 2018 và sau đó một thời gian bà L đã có tiếp tục nhiều lần yêu cầu ông P và bà M thanh toán vốn lãi nhưng không trả và bỏ đi đến nay, ông P và bà M vẫn có thường xuyên đi về địa phương vì nhà cửa còn ở địa phương. Khi làm

biên nhận mượn tiền ngày 22/3/2018 chỉ có hai bên và tại nhà ông P, không có ai khác chứng kiến.

Nay bà Huỳnh Chúc L yêu cầu ông Huỳnh Thanh P và bà Phan Tuyết M trả số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

** Đối với ông Huỳnh Thanh P và bà Phan Tuyết M:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông P, bà M biết về yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông P, bà M không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Chúc L có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Huỳnh Thanh P và bà Phan Tuyết M đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà L khởi kiện yêu cầu ông P và bà M trả lại số tiền vay. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 22/3/2018, ông P và bà M có hỏi mượn của bà L số tiền 150.000.000 đồng, khi giao dịch mượn tiền có làm biên nhận (thể hiện tại BL 01). Mặc dù biên nhận không đề rõ thời gian trả và số tiền lãi nhưng có quy định khi nào bà L cần sử dụng số tiền sẽ cho ông P và bà M biết trước 2 tháng. Đồng thời, bà L xác định có đóng lãi cho bà 2 tháng tiền lãi bằng 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ bà L thì ông P và bà M bỏ địa phương đi, tuy có thường xuyên về địa phương nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, ông P và bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Mặt khác, suốt quá trình giải quyết vụ án, ông P và bà M không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, điều này cho thấy giao dịch phát sinh giữa các bên là có xảy ra, cùng những phân tích nêu trên, ông P và bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc ông P, bà M trả lại cho bà L số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng vay của các bên là phù hợp.

[4] Đối với lãi suất tiền vay và lãi suất đã đóng: Bà L không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông P và bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.500.000 đồng (150.000.000 đồng x 5%) tương ứng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Chúc L.

Buộc ông Huỳnh Thanh P và bà Phan Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Chúc L số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh P và bà Phan Tuyết M phải liên đới chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), (chưa nộp).

Bà Huỳnh Chúc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Huỳnh Chúc L số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012821 ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

